

DANH SÁCH ĐIỂM THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẠC 2/6 NGÀY 15/08/2026 (CS1)

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	LISTENING	SPEAKING	READING	WRITING	Tổng cộng	Kết quả	Ghi chú
1	2501000009	Võ Thuận An	Nam	12/03/2004	TP.HCM	CD25MB01	9,50	6,00	10,00	9,00	34,50	Đạt	
2	2401090009	Trần Thị Bảo Châu	Nữ	29/03/2005	Vĩnh Long	CD24CT01	9,00	7,00	8,67	7,50	32,17	Đạt	
3	2501000118	Nguyễn Thị Thuý Dung	Nữ	01/08/2007		CD25CS01	9,50	6,00	9,17	5,00	29,67	Đạt	
4	2501080004	Nguyễn Bảo Duy	Nam	29/07/2003		CD25DT01	10,00	7,50	8,67	7,50	33,67	Đạt	
5	2501070015	Mùng Văn Dương	Nam	20/10/2007		CD25CK01	10,00	7,00	7,67	5,00	29,67	Đạt	
6	2501000199	Nguyễn Hồng Đăng	Nam	02/11/2007	Đồng Nai	CD25MB01	10,00	7,00	9,00	7,00	33,00	Đạt	
7	2501010020	Trương Khánh Hà	Nữ	15/12/2007	TP.HCM	CD25CM01	8,50	7,00	8,33	9,00	32,83	Đạt	
8	2501000066	Lê Thị Minh Hạnh	Nữ	04/09/2007		CD25CS01	9,00	9,00	8,33	6,50	32,83	Đạt	
9	2501070002	Trần Nhật Hào	Nam	03/11/2002		CD25CK01	10,00	8,00	10,00	9,00	37,00	Đạt	
10	2501010019	Lê Kim Xi Hiền	Nữ	07/07/2007		CD25CM01	10,00	7,00	8,17	9,00	34,17	Đạt	
11	2501000151	Bùi Hoàng Xuân Hiếu	Nam	06/12/2007	Đồng Nai	CD25MB01	10,00	6,00	8,50	8,00	32,50	Đạt	
12	2401090019	Lý Văn Khang	Nam	14/03/2006	Đồng Tháp	CD24CT01	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	Không đạt	Vắng
13	2501000094	Trần Khảm	Nam	24/04/2007		CD25MB01	10,00	6,00	10,00	8,00	34,00	Đạt	
14	2401000163	Trần Ngọc Anh Khoa	Nam	28/06/2006	Đồng Tháp	CD24OT02	5,50	4,50	8,67	4,00	22,67	Đạt	
15	2501010008	Nguyễn Thế Trúc Ly	Nữ	07/07/2006	Gia Lai	CD25CM01	10,00	7,50	8,50	7,00	33,00	Đạt	
16	2501070018	Nguyễn Quang Minh	Nam	05/09/2007		CD25CK01	10,00	6,00	7,67	4,50	28,17	Đạt	
17	2501010016	Đỗ Thanh Phong	Nam	16/05/1993		CD25CM01	10,00	6,50	8,00	8,00	32,50	Đạt	
18	2501000198	Lê Đức Phú	Nam	19/07/2007	Đồng Nai	CD25MB01	9,50	5,00	7,17	5,00	26,67	Đạt	
19	2501070013	Trần Ngô Nhật Quang	Nam	27/05/2004		CD25CK01	10,00	7,00	6,50	6,50	30,00	Đạt	
20	2501010003	Nguyễn Trần Lệ Quyên	Nữ	08/03/2007		CD25CM01	10,00	6,50	9,50	9,00	35,00	Đạt	
21	2501000180	Trần Lê Quyên	Nam	05/06/2007	TP.HCM	CD25MB01	9,50	6,50	9,33	8,50	33,83	Đạt	
22	2501010009	Võ Lê Như Quỳnh	Nữ	14/12/2007		CD25CM01	10,00	7,00	7,83	9,50	34,33	Đạt	
23	2501080003	Nguyễn Ngô Quốc Tài	Nam	02/11/2007		CD25DT01	9,50	7,50	9,00	7,50	33,50	Đạt	
24	2501010001	Trương Văn Thắng	Nam	16/07/2004		CD25CM01	10,00	6,00	9,00	9,00	34,00	Đạt	
25	2501070010	Trương Đức Phúc Thiên	Nam	04/09/2002	TP.HCM	CD25CK01	10,00	6,00	9,50	5,50	31,00	Đạt	
26	2501000028	Nguyễn Trường Thọ	Nam	24/08/2007		CD25OT01	9,00	6,50	7,17	7,00	29,67	Đạt	
27	2501000062	Bùi Mai Trang	Nữ	06/11/2007	TP.HCM	CD25CS01	10,00	6,00	8,33	3,00	27,33	Đạt	
28	2501000056	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	Nữ	20/05/2007		CD25CS01	9,50	6,50	6,00	6,00	28,00	Đạt	
29	2501080027	Cao Minh Trí	Nam	09/11/2007	TP.HCM	CD25DT01	9,50	8,00	8,17	7,00	32,67	Đạt	
30	2501010013	Đặng Thị Bảo Trúc	Nữ	15/06/2005		CD25CM01	10,00	6,00	7,67	8,00	31,67	Đạt	
31	2501010017	Nguyễn Nữ Quỳnh Tươi	Nữ	17/11/2006	Đắk Lắk	CD25CM01	10,00	8,00	8,17	6,00	32,17	Đạt	
32	2301320023	Lưu Văn Vĩ	Nam	27/09/2005	Gia Lai	CD23TD01	9,75	7,50	7,67	5,00	29,92	Đạt	
33	2501070006	Trần Quang Việt	Nam	22/08/2004	Vĩnh Long	CD25CK01	10,00	6,00	9,17	6,00	31,17	Đạt	

TT	MSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	LISTENING	SPEAKING	READING	WRITING	Tổng cộng	Kết quả	Ghi chú
34	2501070023	Đào Quang	Vinh	Nam	18/01/2004		CD25CK01	10,00	8,50	8,67	8,50	35,67	Đạt	
35	2501070011	Hoàng Thọ	Vũ	Nam	09/08/2006		CD25CK01	10,00	6,50	9,33	6,00	31,83	Đạt	
36	2501010022	Nguyễn Kim	Xuyên	Nữ	20/06/2003	Cà Mau	CD25CM01	9,50	8,00	7,00	9,00	33,50	Đạt	

Tổng số: 36 thí sinh

Đạt: 35 thí sinh, chiếm 97%

Không đạt: 01 chiếm 3%

HIỆU TRƯỞNG

Phòng Tuyển sinh - Đào Tạo

TP.HCM, ngày 24 tháng 08 năm 2026

Người tổng hợp



Nguyễn Ngọc Hiền

Lưu Thị Lan

Trương Thị Thúy Lan